1551

HIỆP ĐỊNH

giữa
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
và
CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC
VỀ VIỆC NHẬN TRỞ LẠI CÔNG DÂN VIỆT NAM
(Hiệp định nhận trở lại)

*****

Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Bên Việt Nam) và **Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức** (sau đây gọi là Bên Đức),

Với lòng mong muốn giữ gìn và tiếp tục phát triển các quan hệ song phương tốt đẹp;

Để thực hiện Tuyên bố chung ngày 6/01/1995 về việc mở rộng và tăng cường quan hệ Đức - Việt;

Nhằm mục đích xây dựng cho các cơ quan có thẩm quyền những quy định thống nhất trên cơ sở pháp luật của mỗi nước và trách nhiệm quốc tế hiện có về việc trao trả và nhận trở lại những công dân Việt Nam không có giấy phép cư trú hợp lệ theo Luật Ngoại kiều Cộng hoà Liên bang Đức;

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Những nguyên tắc của việc nhận trở lại

1) Bên Việt Nam có nghĩa vụ nhận trở lại những công dân Việt Nam không có giấy phép cư trú hợp lệ tại Cộng hoà Liên bang Đức phù hợp với những quy định của Hiệp định này.

2) Việc đưa trở về không phụ thuộc vào sự đồng ý của những người này và do vậy cả những người mà việc đưa trở về không phù hợp với mong muốn của họ cũng được nhận trở lại.

3) Hai Bên ký kết có nghĩa vụ thực hiện việc đưa trở về những người nói ở khoản 1 và 2 Điều này một cách trật tự, tôn trọng an toàn và nhân phẩm của họ.

Điều 2

Nhận trở lại công dân Việt Nam

Các cơ quan của Việt Nam sẽ tiếp nhận những công dân Việt Nam không có giấy phép cư trú hợp lệ trên lãnh thổ Cộng hoà Liên bang Đức mà cơ quan Đức có ý định trao trả.

Điều 3

Nhanh chóng đưa về những người phạm tội và người bị khởi tố

Hai Bên ký kết nhất trí nhanh chóng đưa trở về những người phạm tội và những người bị khởi tố, đặc biệt trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng.

Điều 4

Nhận trở lại những người Việt Nam có nghĩa vụ rời khỏi Đức

Những người Việt Nam có nghĩa vụ phải rời khỏi Đức (theo số liệu của Đức khoảng 40.000 người) sẽ được đưa trở về cho đến cuối năm 2.000. Việc đưa về những người thuộc diện này bắt đầu từ năm 1995 và được triển khai sao cho đến năm 1998 hai mươi nghìn (20.000) người Việt Nam sẽ được tiếp nhận trở lại tại Việt Nam. Trong những năm 1995 đến 1998 số lượng người Việt Nam trở về sẽ phân bổ như sau:

- 1995: 2.500 người,
- 1996: 5.000 người,
- 1997: 6.000 người,
- 1998: 6.500 người,

Bên Việt Nam cố gắng tăng định mức nhận hàng năm phù hợp với khả năng của mình.

Điều 5

Bằng chứng và cơ sở làm tin

1) Việc có quốc tịch Việt Nam có thể được chứng minh thông qua:

- Giấy chứng nhận quốc tịch hợp lệ,
- Hộ chiếu thật các loại (Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông).

- Công hàm của Cơ quan đại diện Việt Nam tại Đức.

Khi xuất trình những giấy tờ trên thì hai Bên ký kết công nhận quốc tịch Việt Nam đã được chứng minh bằng cách đó.

2) Có thể làm cho tin được về quốc tịch Việt Nam thông qua các tài liệu thật, ví dụ như:

- Giấy chứng minh nhân dân,
- Giấy thông hành có ảnh,
- Giấy chứng minh biên giới,
- Giấy chứng minh quân nhân,
- Giấy khai sinh,
- Hộ chiếu thuyền viên,
- Giấy phép lái xe,

Trong trường hợp đương sự xuất trình những loại giấy tờ kể trên thì hai Bên ký kết có thể tạm coi người đó là công dân Việt Nam.

Điều 6

Lấy lời khai của những người bị đưa trở về và xác minh trong những trường hợp nghi vấn

1) Nếu không chứng minh hoặc làm cho tin được về quốc tịch thì Bên Việt Nam sẽ tiến hành ngay việc lấy lời khai của đương sự.

2) Thông qua việc lấy lời khai nếu đương sự là công dân Việt Nam thì Bên Việt Nam sẽ nhận trở lại người đó.

3) Trong việc khẳng định quốc tịch Việt Nam có thể đặc biệt lưu ý những cơ sở tham khảo sau đây:

- Lời khai của nhân chứng
- Thông tin của bản thân đương sự
- Ngôn ngữ của đương sự.

Trên cơ sở của những thông tin này, các cơ quan Việt Nam sẽ tiến hành việc xác minh quốc tịch Việt Nam và thông báo kết quả cho các cơ quan

có thẩm quyền. Các cơ quan đại diện của Cộng hoà Liên bang Đức tại Việt Nam sẽ giúp đỡ các cơ quan Việt Nam trong việc xác minh này.

Điều 7

Tiếp nhận trở lại trong trường hợp nhầm lẫn

Những người đã được đưa trở về Việt Nam mà qua xác minh của các cơ quan Việt Nam không khẳng định được họ là công dân Việt Nam thì sẽ được Bên Đức tiếp nhận ngay trở lại mà không cần thủ tục đặc biệt nào.

Điều 8

Trao đổi

Hai Bên ký kết trao đổi với nhau trong mọi trường hợp mà hai Bên thấy cần thiết.

Điều 9

Cung cấp và bảo mật dữ liệu

Những dữ liệu cá nhân cần phải chuyển giao để thực hiện Hiệp định này sẽ được liệt kê trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định. Những thông tin này chỉ được liên quan đến:

1) Nhân thân của người bị dự định đưa trở về và nếu cần của thân nhân người đó (Họ tên và nếu cần cả tên cũ, tên phụ hoặc bí danh, ngày tháng năm và nơi sinh, quốc tịch trước kia và hiện nay).

2) Hộ chiếu, các giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và giấy chứng minh nhân dân (số , thời hạn giá trị, ngày và nơi cấp, cơ quan cấp v.v.).

3) Những thông tin cần thiết khác để xác minh người bị dự định đưa trở về.

4) Địa chỉ thường trú trước kia ở Việt Nam; thời gian, lý do và hành trình đến Đức và nơi cư trú ở Đức.

5) Giấy phép cư trú hoặc thị thực được các Bên ký kết cấp.

Điều 10

Chi phí

Mọi chi phí liên quan đến việc đưa đến biên giới Việt Nam, kể cả việc vận chuyển quá cảnh qua nước thứ ba, sẽ do Bên Đức thanh toán. Điều

này cũng áp dụng đối với những trường hợp nhận trở lại.

Điều 11

Thể thức thực hiện

Những chi tiết để thực hiện việc đưa trở về được quy định trong Nghị định thư thực hiện kèm theo Hiệp định.

Điều 12

Bắt đầu có hiệu lực, thời hạn giá trị

1) Hiệp định này có hiệu lực sau hai tháng kể từ ngày ký.

2) Hiệp định này có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 2000 và sẽ được gia hạn từng năm một, nếu 6 tháng trước khi hết hiệu lực Hiệp định không bị huỷ bỏ.

Điều 13

Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp liên quan đến việc giải thích và vận dụng các điều khoản của Hiệp định này và Nghị định thư sẽ được hai Bên ký kết giải quyết trong khuôn khổ các cuộc trao đổi.

Điều 14

Đình chỉ, huỷ bỏ

1) Nếu có lý do quan trọng mỗi Bên ký kết sau khi trao đổi với Bên ký kết kia có thể bằng văn bản thông báo việc đình chỉ hoặc huỷ bỏ Hiệp định này.

2) Việc đình chỉ hoặc huỷ bỏ có hiệu lực vào ngày đầu của tháng tiếp theo sau ngày Bên ký kết kia nhận được thông báo.

Làm tại Berlin ngày 21 tháng 7 năm 1995 thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Đức; cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC

Abkommen

zwischen

der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam

und

der Regierung der Bundesrepublik Deutschland

über

die Rückübernahme von vietnamesischen Staatsangehörigen

(Rückübernahmeabkommen)

Die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam

und

die Regierung der Bundesrepublik Deutschland -

in dem Bestreben, die guten bilateralen Beziehungen zu erhalten und weiterzuentwickeln,

in Umsetzung der Gemeinsamen Erklärung vom 6. Januar 1995 über den Ausbau und die Vertiefung der deutsch-vietnamesischen Beziehungen,

in der Absicht, für die zuständigen Behörden auf der Grundlage der jeweiligen innerstaatlichen Gesetze und der bestehenden internationalen Verpflichtungen hinsichtlich der vietnamesischen Staatsangehörigen, die keinen gültigen Aufenthaltstitel nach dem Ausländergesetz der Bundesrepublik Deutschland besitzen, abgestimmte Regelungen über die Rückführung und Rückübernahme zu treffen -

haben folgendes vereinbart:

Artikel 1
Grundsätze der Rückübernahme

(1) Die vietnamesische Seite verpflichtet sich, vietnamesische Staatsangehörige, die keinen gültigen Aufenthaltstitel für die Bundesrepublik Deutschland haben, entsprechend den Bestimmungen dieses Abkommens zurückzunehmen.

(2) Die Rückführung hängt nicht von der Zustimmung dieser Personen ab, so daß auch diejenigen Personen, deren Rückführung nicht ihrem Willen entspricht, zurückzunehmen sind.

(3) Beide Vertragsparteien verpflichten sich, die Rückführung der in den Absätzen 1 und 2 bezeichneten Personen in geordneter Weise, unter Beachtung der Sicherheit und Menschenwürde dieser Personen durchzuführen.

Artikel 2
Übernahme vietnamesischer Staatsangehöriger

Die vietnamesischen Behörden werden vietnamesische Staatsangehörige, die sich ohne gültigen Aufenthaltstitel in dem Hoheitsgebiet der Bundesrepublik Deutschland aufhalten und deren Rückführung die deutschen Behörden beabsichtigen, übernehmen.

Artikel 3
Rasche Rückführung von Straftätern und Beschuldigten

Die Vertragsparteien stimmen überein, Straftäter und Beschuldigte möglichst rasch zurückzuführen, insbesondere bei schweren Straftaten.

Artikel 4
Übernahme von bereits ausreisepflichtigen Vietnamesen

Die bereits ausreisepflichtigen Vietnamesen (ca. 40.000 nach deutschen Angaben) werden bis zum Ende des Jahres 2000 zurückgeführt. Die Rückführung dieses Personenkreises beginnt mit dem Jahre 1995 und wird so gestaltet, daß bis zum Jahre 1998 20.000 Vietnamesen in Vietnam wieder aufgenommen worden sind. In den Jahren 1995 bis 1998 wird die Zahl der zurückkehrenden Vietnamesen folgendermaßen aufgeteilt:

- 1995: 2.500 Personen
- 1996: 5.000 Personen
- 1997: 6.000 Personen
- 1998: 6.500 Personen

Die vietnamesische Seite bemüht sich, diese Jahresquoten entsprechend ihren Möglichkeiten zu erhöhen.

Artikel 5
Beweismittel und Mittel der Glaubhaftmachung

(1) Der Besitz der vietnamesischen Staatsangehörigkeit kann nachgewiesen werden durch

- rechtsgültige Staatsangehörigkeitsurkunden,
- echte Pässe aller Art (Reisepässe, Diplomatenpässe, Dienstpässe),
- Verbalnoten der vietnamesischen Auslandsvertretungen in Deutschland.

Bei Vorlage dieser Urkunden ist die so nachgewiesene vietnamesische Staatsangehörigkeit unter den Vertragsparteien anerkannt.

(2) Die vietnamesische Staatsangehörigkeit kann glaubhaft gemacht werden durch echte Dokumente wie z. B.

- Personalausweise,
- Laissez-Passer mit Lichtbild,
- Grenzausweise,
- Militärausweise,
- Geburtsurkunden,
- Seefahrtspässe,
- Führerscheine.

Im Falle der Vorlage der oben genannten Dokumente gehen beide Seiten vorläufig davon aus, daß die betroffene Person im Besitz der vietnamesischen Staatsangehörigkeit ist.

Artikel 6
Anhörung der rückzuführenden Personen und Überprüfung in Zweifelsfällen

(1) Wenn die Staatsangehörigkeit nicht nachgewiesen oder glaubhaft gemacht werden kann, nimmt die vietnamesische Seite unverzüglich eine Anhörung der betreffenden Person vor.

(2) Ergibt die Anhörung, daß die betroffene Person vietnamesischer Staatsangehöriger ist, wird sie von der vietnamesischen Seite übernommen.

(3) Bei der Feststellung der vietnamesischen Staatsangehörigkeit können als Anhaltspunkte insbesondere berücksichtigt werden:

- Zeugenaussagen,
- eigene Angaben der Betroffenen,
- die Sprache der Betroffenen.

Auf Grund dieser Angaben werden die vietnamesischen Behörden das Vorliegen der vietnamesischen Staatsangehörigkeit überprüfen und den zuständigen Behörden das Ergebnis mitteilen. Die Vertretungen der Bundesrepublik Deutschland in Vietnam werden den vietnamesischen Behörden bei der Überprüfung Hilfe leisten.

Artikel 7
Rückübernahme im Irrtumsfalle

Personen, die bereits nach Vietnam zurückgebracht worden sind, bei denen die Nachprüfung durch die vietnamesischen Behörden die vietnamesische Staatsangehörigkeit jedoch nicht bestätigt hat, werden von der deutschen Seite unverzüglich ohne jegliche besondere Formalität übernommen.

Artikel 8
Konsultationen

Die Vertragsparteien konsultieren sich in allen Fällen, in denen sie es für erforderlich halten.

Artikel 9
Datenübermittlung, Datenschutz

Die personenbezogenen Daten, die zur Durchführung dieses Abkommens zu übermitteln sind, werden in einem Durchführungsprotokoll zu diesem Abkommen bezeichnet. Diese Informationen dürfen ausschließlich betreffen

1. Personalien der Person, deren Rückführung beabsichtigt ist, und gegebenenfalls der Angehörigen (Name, Vorname, gegebenenfalls früherer Name, Beiname oder Pseudonyme, Geburtsdatum und -ort, frühere und derzeitige Staatsangehörigkeit),

2. Paß, andere Papiere, die als Paßersatzdokument gelten und Personalausweis (Nummer, Gültigkeitsdauer, Ausstellungsdatum und -ort, ausstellende Behörde usw.),

3. sonstige zur Identifizierung der Person, deren Rückführung beabsichtigt ist, erforderliche Angaben,

4. frühere ständige Wohnanschrift der betreffenden Person in Vietnam, Reisewege, Datum und Grund der Einreise, sowie der Aufenthaltsort in Deutschland,

5. Aufenthaltserlaubnisse oder die durch die Vertragsparteien erteilten Visa.

Artikel 10
Kosten

Alle mit der Rückführung zusammenhängenden Kosten bis zur Grenze Vietnams, einschließlich jener der Durchbeförderung durch dritte Staaten, werden von der deutschen Seite getragen. Das gleiche gilt für die Fälle der Rückübernahme.

Artikel 11
Durchführungsmodalitäten

Die Einzelheiten der Durchführung der Rückführung werden in einem Durchführungsprotokoll zu diesem Abkommen niedergelegt.

Artikel 12
Inkrafttreten, Geltungsdauer

(1) Dieses Abkommen tritt zwei Monate nach der Unterzeichnung in Kraft.

(2) Dieses Abkommen ist gültig bis zum 31. Dezember 2000 und verlängert sich jeweils um ein Jahr, wenn es nicht sechs Monate vor Ablauf der Gültigkeitsdauer gekündigt wird.

Artikel 13
Behandlung von Streitfragen

Alle mit der Auslegung und Anwendung der Artikel dieses Abkommens und des Protokolls zusammenhängenden Streitigkeiten werden von beiden Vertragsparteien im Rahmen der Konsultationen geregelt.

Artikel 14
Suspendierung, Kündigung

(1) Jede Vertragspartei kann dieses Abkommen nach Konsultation der anderen Vertragspartei aus wichtigem Grund durch Notifikation suspendieren oder kündigen.

(2) Die Suspendierung oder Kündigung wird am ersten Tag des Monats nach Eingang der Notifikation bei der anderen Vertragspartei wirksam.

Geschehen zu Berlin am 21. Juli 1995
in zwei Urschriften, jede in vietnamesischer und deutscher Sprache, wobei jeder Wortlaut gleichermaßen verbindlich ist.

Für die Regierung
der Sozialistischen Republik Vietnam

Für die Regierung
der Bundesrepublik Deutschland